|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các lệnh cơ bản | Hình minh họa | Giải thích |
| docker –version |  | Xem version hiện tại của Docker trên máy |
| docker run hello-world |  | Chạy image hello-world  Nếu không tìm thấy image này, docker ẽ tự động pull về từ thư viện (library/hello-world) để chạy |
| docker images |  | Liệt kê tất cả các images đang có trên máy |
| docker pull nginx |  | pull image nginx về từ thư viện (library/nginx) |
| docker run –d nginx |  | Chạy container từ iamge nginx, trong đó “-d” là thiết lập chạy chế độ nền không chiếm dụng cmd |
| docker ps |  | Liệt kê các container đang chạy trên máy |
| docker ps -a |  | Liệt kê tất cả container có trên máy |
| docker logs f8ec2d067307 |  | xem các log được ghi lại bởi container có id là f8ec2d067307 |
| docker exec -it f8ec2d067307 /bin/sh |  | Cho phép truy cập vào shell của container có id là f8ec2d067307 để thục hiện lệnh (VD: ls) |
| docker stop f8ec2d067307 |  | Dừng container đang chạy có id là f8ec2d067307 |
| docker restart f8ec2d067307 |  | Mở lại container f8ec2d067307 đã dừng |
| docker rm f8ec2d067307 |  | Xóa container f8ec2d067307(đã dừng) |
| docker container prune |  | Xóa tất cả các container không chạy. |
| docker rmi hello-world |  | Xóa 1 image tên hello-world |
| docker image prune -a |  | Xóa tất cả các image không chứa container nào |
| docker run -d -p 8080:80 nginx |  | Chạy một container trêm image nginx ở chế độ nền, truy cập <http://localhost:8080> để xem. 8080:80 là ánh xạ của máy chủ và container |
| docker inspect 6bfe8914e48d |  | Hiển thị mảng Json trả về thông tin chi tiết của container |
| docker run -d -v mydata:/data nginx |  | Chạy 1 container trong image nginx ở chế độ nền và tạo 1 volume mydata (nếu nó chưa tồn tại) và gắn volume vào /data trong container |
| docker volume ls |  | liệt kê tất cả các volume đã được tạo |
| docker volume prune |  | Xóa các volumn không sử dụng cho bất kì container nào |
| docker stats |  | hiển thị thông tin về tài nguyên sử dụng của các container đang chạy theo thời gian thực |
| docker network ls |  | Liệt kê tắt cả các network |
| docker network create my\_network |  | tạo 1 network mới |
| docker run -d --network my\_network --name my\_container nginx |  | chạy 1 container của image nginx chế độ nền, kết nối với network my\_network và đặt tên cho container là my\_container |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |